

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HS-ST

Ngày 10-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Vĩnh và bà Trần Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 10-6-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HS ngày 27-5-2025, đối với bị cáo:

Mai Văn D, sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Bon T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Bon S, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân Q (đã chết) và bà Dương Thị C; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 588/2004/HS-PT ngày 13-8-2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác*”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-12-2024 đến ngày 08-01-2025; tại ngoại - Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tạ Thị Th, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Ng, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1970; địa chỉ: đường N, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

3. Chị Đặng Thị Hải V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt;

4. Anh Lê Hoài B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 08, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông– Có đơn xét xử vắng mặt;

6. Chị Bùi Thị Khánh H1, sinh năm 1994; địa chỉ: đường 06, KĐT L, Khu phố 18, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xét xử vắng mặt;

7. Chị Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Mai Văn D được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kinh doanh xăng dầu, hộ kinh doanh nông sản..., trong quá trình hoạt động kinh doanh và thông qua các mối quan hệ xã hội, kể từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024, D đã sử dụng số tiền gốc là 3.293.500.000 đồng để cho người vay nhiều lần, thu tiền lãi theo ngày, tháng, chuyển tiền lãi thành tiền gốc để tiếp tục cho vay, cụ thể:

01. Đối với chị Nguyễn Thị Th1: Ngày 08-02-2024, vay số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, đã trả 09 tháng tiền lãi (tính đến tháng 11 năm 2024) số tiền 179.850.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 32.491.800 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 147.358.200 đồng; còn nợ tiền gốc là 220.000.000 đồng.

02. Đối với chị Tạ Thị Th: Ngày 27-5-2024, vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi suất 3.500đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thời hạn vay là 10 ngày, đã trả 55.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 6.017.000 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 48.983.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

03. Chị Đặng Thị Hải V: Ngày 16-8-2024 vay lần 01 số tiền 1.000.000.000đồng, lần 02 số tiền 2.200.000.000
lãi suất 3.500đồng/triệu/ngày, tương ứng 127,8%/năm; đã trả tổng số tiền lãi 306.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 47.807.800 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 258.192.200 đồng; tiền lãi phải trả đến thời điểm bị phát hiện là 449.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 70.234.800 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 379.265.200 đồng; còn nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng

04. Đối với anh Lê Hoài B:

Lần 01: Ngày 06-11-2024, vay số tiền 1.050.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/ năm; đến ngày 07-11-2024 trả trước tiền gốc số tiền 600.000.000 đồng, trả tiền lãi cho 02 ngày với số tiền 6.300.000 đồng; ngày 19-11-2024, trả tiền lãi 18.000.000 đồng và đã trả tiền gốc còn lại.

Lần 02: Ngày 07-11-2024, vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 01 ngày, đã trả tiền lãi 2.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 437.600 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 1.962.400 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 03: Ngày 07-11-2024, vay tiếp số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã

trả tiền lãi đến ngày 30-11-2024 là 103.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 18.871.500 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 84.928.500 đồng. Từ ngày 30-11-2024, anh B và D thỏa thuận lãi suất của khoản vay trên bằng lãi suất ngân hàng; chưa trả tiền gốc.

Lần 04: Ngày 20-11-2024, vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/01 triệu/ ngày, tương ứng 109,5%/năm, đã trả tiền lãi với số tiền 900.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 164.100 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 735.900 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 05: Ngày 30-11-2024, vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 10 ngày, đã trả tiền lãi 9.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 1.641.000 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 7.359.000 đồng. Từ ngày 30-11-2024, thỏa thuận lãi suất của khoản vay trên bằng lãi suất ngân hàng; khoản vay này chưa trả tiền gốc; tổng số tiền gốc chưa trả là 1.800.000.000đồng.

05. Đối với anh Nguyễn Tuấn A:

Lần 01: Ngày 19-06-2024, vay 500.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 02 ngày, đã trả tiền lãi 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 547.000 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 2.453.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 02: Ngày 20-06-2024, vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 96 ngày với số tiền 86.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 15.753.600 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 70.646.400 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 03: Ngày 23-06-2024, vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 93 ngày với số tiền 83.700.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 15.261.300 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 68.438.700 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 04: Ngày 03-07-2024, vay 920.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 03 ngày, đã trả lãi với số tiền 8.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 1.509.720 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 7.290.280 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 05: Ngày 10-07-2024, vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 77 ngày với số tiền 46.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 8.423.800 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 37.776.200 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 06: Ngày 10-07-2024, vay tiếp số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 80 ngày với số tiền 480.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 87.520.000 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 392.480.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 07: Ngày 27-08-2024, vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/ triệu/ngày, tương ứng 109,5%/01 năm, thời hạn vay 01 ngày, đã trả tiền lãi 3.250.000 đồng, tiền lãi pháp luật cho phép là 547.000 đồng, tiền lãi trên 20% năm là 2.703.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

06. Đối với chị Bùi Thị Khánh H1:

Lần 01: Ngày 17-5-2024, vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 3.000đồng/

triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 03 ngày, đã trả tiền lãi 27.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 4.923.000 đồng, tiền lãi trên 20% là 22.077.000 đồng và tiền phí vay là 10.000.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 02: Ngày 23-5-2024, vay 600.000.000 đồng, lãi suất 3.500đồng/01triệu/01 ngày, tương đương lãi suất 127,8%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả tiền lãi 37 ngày 78.750.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 12.143.400 đồng, tiền lãi trên 20% là 66.606.600 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 03: Ngày 04-6-2024, vay 70.000.000 đồng, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 04 ngày số tiền 1.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 153.160 đồng, tiền lãi trên 20% là 1.446.840 đồng đã trả đủ tiền gốc.

Lần 04: Ngày 10-6-2024, vay 350.000.000 đồng, lãi suất 4000đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 18 ngày số tiền 23.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 3.227.300 đồng, tiền lãi trên 20% là 20.372.700 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 05: Ngày 14-8-2024, vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 15 ngày số tiền 11.250.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 1.230.750 đồng, tiền lãi trên 20% là 10.019.250 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 06: Ngày 22-8-2024, vay 3.200.000.000 đồng, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 02 ngày số tiền 32.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 3.500.800 đồng, tiền lãi trên 20% là 28.499.200 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 07: Ngày 23-8-2024, vay 4.200.000.000 đồng, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 08 ngày số tiền 168.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 18.379.200 đồng, tiền lãi trên 20% là 149.620.800 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 09: Ngày 12-9-2024, vay 350.000.000 đồng, lãi suất 4000đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi 104 ngày số tiền 142.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 19.910.800 đồng, tiền lãi trên 20% là 122.089.200 đồng; theo thỏa thuận tiền lãi phải trả đến thời điểm bị phát hiện là 145.000.000 đồng, tiền lãi pháp luật cho phép là 19.910.800 đồng, tiền lãi trên 20% là 125.089.200 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 10: Ngày 14-9-2024 chị H1 và D thống nhất lại các khoản tiền vay là 480.000.000 đồng, lãi suất 182,5%/năm, đã trả lãi 102 ngày tổng số tiền là 170.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 26.781.120 đồng, tiền lãi trên 20% là 143.218.880 đồng; tiền lãi theo thỏa thuận phải trả đến thời điểm bị phát hiện là 244.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 26.781.120 đồng, tiền lãi trên 20% là 218.018.800 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

07. Đối với chị Nguyễn Huỳnh Anh T:

Lần 01: Ngày 29-8-2024, vay 350.000.000 đồng, lãi suất 3000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thời hạn vay 20 ngày, đã trả tiền lãi 27.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 3.829.000 đồng,

tiền lãi trên 20% 23.171.000 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 02: Ngày 21-9-2024, vay 530.000.000 đồng, lãi suất 3000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả tiền lãi 36.000.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 4.928.470 đồng, tiền lãi trên 20% là 31.071.530 đồng.

Lần 03: Ngày 30-9-2024, vay 70.000.000 đồng, lãi suất 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay, đã trả lãi với số tiền 2.280.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 306.320 đồng, tiền lãi trên 20% là 1.973.680 đồng.

Lần 04: Ngày 07-10-2024, xác định tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận lãi suất 3000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm; đến ngày 05-12-2024 tính lãi suất theo ngân hàng và chưa trả tiền số tiền lãi 97.200.000 đồng; chưa trả số tiền gốc 600.000.000 đồng.

Lần 05: Ngày 05-10-2024, vay 100.000.000 đồng, lãi suất 4000đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay; từ ngày 05-12-2024 thỏa thuận tính lãi suất theo ngân hàng; chưa trả tiền lãi tính đến ngày 05-12-2024; chưa trả số tiền gốc 100.000.000 đồng.

Lần 06: Ngày 24-10-2024, vay 600.000.000 đồng, lãi suất 4000đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, thời hạn vay 03 ngày, đã trả tiền lãi 7.200.000 đồng, trong đó: tiền lãi pháp luật cho phép là 984.600 đồng, tiền lãi trên 20% là 6.215.400 đồng; đã trả đủ tiền gốc.

Lần 07: Ngày 25-10-2024, vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn vay; từ ngày 05-12-2024 thỏa thuận trả lãi suất theo ngân hàng; chưa trả tiền lãi đến ngày 05-12-2024 và chưa trả tiền gốc 300.000.000 đồng; tổng số tiền gốc chưa trả là 1.000.000.000đồng.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSĐN-P2, ngày 21-5-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Mai Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Chị Nguyễn Thị Th1 trình bày: Việc vay tiền, thỏa thuận lãi suất hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu nội dung tranh luận: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mai Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 ; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn D từ 500.000.000đồng đến 550.000.000đồng. Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a Khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 366 ngày 21-02-2025, số 2068 ngày 08-5-2025, của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh

Đắc Nông. Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Samsung màu đen, của Mai Văn D, đã sử dụng vào việc phạm tội. Truy thu tổng số tiền gốc đối của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả bị cáo sung ngân sách nhà nước; truy thu của bị cáo D 341.721.840 đồng tiền lãi pháp luật cho phép và 10.000.000 đồng tiền phí trái pháp luật. Buộc bị cáo trả chi Nguyễn Thị Th1 147.358.200 đồng tiền lãi thu lợi bất chính; đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác bị cáo đã trả nên không đề cập.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt. Chi Th1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo D trả số tiền 147.358.200 đồng tiền lãi không đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ các hợp đồng, giấy vay tiền, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu, chứng cứ đã thu thập lưu sơ vụ án; lời khai nhận của bị cáo, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

[2.1]. Từ tháng 02 năm 2024 đến 12 tháng năm 2024, tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Mai Văn D đã sử dụng 3.293.500.000 đồng tiền gốc, cho 07 người vay nhiều lần, lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, thu tiền lãi theo ngày, tháng và chuyển tiền lãi thành tiền gốc để tiếp tục cho người khác vay hoặc cho chính người đã vay bằng một hợp đồng, giao dịch khác. D đã thu tổng số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 của người vay là 394.999.640 đồng; thu lợi bất chính: 1.777.558.160 đồng và 10.000.000 đồng tiền phí không đúng pháp luật. Như vậy, hành vi của Mai Văn D xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật nghiêm cấm. Do vậy, hành vi của D đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[2.2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả số tiền thu lợi bất chính cho 06 người vay tiền; có cha đẻ được Nhà nước tặng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Mặt khác, bản thân bị cáo và gia đình đang hoạt động kinh doanh, cụ thể: Kinh doanh xăng dầu, thu mua nông sản, phân bón... theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400444339 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27-02-2023 và Đăng ký hộ kinh doanh cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký số 63G8008337 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Gia Nghĩa cấp ngày 24-2-2023. Do đó, mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhiều lần, song không thuộc trường hợp “Phạm tội có tính chuyên nghiệp”. Do vậy, Hội đồng xét xử căn các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo mức hình phạt tiền tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3]. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2021/HĐTP ngày 25-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định nguyên tắc xử lý vật, tiền bạc liên quan đến tội phạm như sau: “1. Tích thu sung quỹ nhà nước đối với: a) Khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay; b) Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của [Bộ luật Dân sự](#) mà người phạm tội đã thu của người vay; c) Tiền, tài sản khác mà người phạm tội có thêm được từ việc sử dụng tiền lãi và các khoản thu bất hợp pháp khác. 2. Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu...”. Tuy nhiên, hiện nay, số tiền gốc người vay chưa trả bị cáo, do đó cần truy thu từ những người vay để sung quỹ nhà nước, cụ thể: Anh Lê Hoài B: 1.800.000.000đồng, chị Nguyễn Huỳnh Anh T 1.000.000.000đồng, chị Đặng Thị Hải V 300.000.000đồng và chị Nguyễn Thị Th1 220.000.000đồng, tổng số tiền là: 3.320.000.000đồng. Đồng thời truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo D số 341.721.000đồng tiền lãi của những người vay đã trả theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và số tiền 10.000.000đồng thu phí trái pháp luật. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo D trả lại cho người vay, song trong quá trình điều tra (“*Đơn trình bày*” tại các bút lục từ số 240 đến 245) chị Th, chị V, anh B, anh Tuấn A, chị H1 và chị T đều trình bày bị cáo đã tự nguyện trả toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, không có yêu cầu khác, do đó Hội đồng xét xử không đề cập và buộc bị cáo trả chị Nguyễn Thị Th1: 147.358.000đồng. Ngoài ra, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu di động nhãn hiệu Samsung màu đen của Mai Văn D đã dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn D 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Buộc Mai Văn D trả chị Nguyễn Thị Th1 số tiền 147.358.000đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

2.2. Truy thu đối Mai Văn D tổng số tiền 351.721.000đ (*Ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi một đồng*) sung ngân sách nhà nước.

2.3. Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền, cụ thể: Đối với anh Lê Hoài B: 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*), chị Nguyễn Huỳnh Anh T: 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), chị Đặng Thị Hải V: 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và chị Nguyễn Thị Th1: 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu đồng*).

2.4. Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen của Mai Văn D, đã dùng vào việc phạm tội (*Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-5-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Mai Văn D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về phần có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương